BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II
SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐÃ ĐƯỢC RÀ SOÁT TẠI CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ VÀ ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020
(từ 01/01/2020 đến 31/12/2020)
(Kèm theo Báo cáo số 78/BC-BTP ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tư pháp)

Đơn vị tính: v

		Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) phải được rà soát trong kỳ báo cáo		Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)		Kết quả xử lý VBQPPL chưa xử lý xong của các kỳ trước (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	
		Tổng	Trong đó: Đã được rà soát	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số tại địa bàn cả nước		**34,515**	**33,711**	**5,616**	**4,735**	**859**	**675**
I. Tại các Bộ, Ngành ở Trung ương		**9,335**	**9,327**	**1,413**	**1,224**	**195**	**176**
1	Bộ Công an	535	535	33	15	0	0
2	Bộ Công Thương	448	448	59	59	0	0
3	Bộ Giao thông vận tải	336	336	0	0	0	0
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	612	612	221	221	0	0
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	548	548	410	401	88	85
6	Bộ Khoa học và Công nghệ	349	349	0	0	0	0
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	25	25	25	25	0	0
8	Bộ Ngoại giao	74	74	0	0	21	8
9	Bộ Nội vụ	39	39	39	39	39	39
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	404	404	65	30	39	39

		Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) phải được rà soát trong kỳ báo cáo		Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)		Kết quả xử lý VBQPPL chưa xử lý xong của các kỳ trước (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	
		Tổng	Trong đó: Đã được rà soát	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
11	Bộ Quốc phòng	2667	2667	277	277	0	0
12	Bộ Tài chính	248	248	0	0	0	0
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	805	805	20	9		
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	478	478	112	0	0	0
15	Bộ Tư pháp	19	19	13	12	6	4
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	358	358	6	6	0	0
17	Bộ Xây dựng	229	229	32	32	2	1
18	Bộ Y tế	546	546	56	56	0	0
19	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	511	511	35	35	0	0
20	Thanh tra Chính phủ	86	78	7	7	0	0
21	Ủy ban Dân tộc	18	18	3	0	0	0
II. Tại các địa phương		**25,180**	**24,384**	**4,203**	**3,511**	**664**	**499**
1	An Giang	349	349	193	193	0	0
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	38	38	37	37	1	1
3	Bạc Liêu	90	90	20	10	0	0
4	Bắc Giang	561	561	193	78	4	4
5	Bắc Kạn	122	122	36	36	0	0
6	Bắc Ninh	70	50	39	39	0	0
7	Bến Tre	288	288	67	67	0	0
8	Bình Dương	849	849	118	102	0	0
9	Bình Định	795	795	62	59	4	1
10	Bình Phước	68	68	1	2	0	0
11	Bình Thuận	766	766	60	56	0	0

		Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) phải được rà soát trong kỳ báo cáo		Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)		Kết quả xử lý VBQPPL chưa xử lý xong của các kỳ trước (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	
		Tổng	Trong đó: Đã được rà soát	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
12	Cà Mau	474	474	98	55	39	37
13	Cao Bằng	219	150	72	72	0	0
14	Cần Thơ	424	424	47	31	0	0
15	Đà Nẵng	23	23	23	23	5	5
16	Đắk Lắk	1,235	1,235	96	4	132	131
17	Đắk Nông	109	109	11	7	7	5
18	Điện Biên	169	169	60	60	0	0
19	Đồng Nai	307	307	59	59	0	0
20	Đồng Tháp	559	554	58	57	0	0
21	Gia Lai	278	278	73	52	58	56
22	Hà Giang	67	67	65	65	0	0
23	Hà Nam	273	273	16	16	0	0
24	Hà Nội	382	382	120	113	0	0
25	Hà Tĩnh	207	207	61	61	0	0
26	Hải Dương	176	176	55	54	0	0
27	Hải Phòng	209	209	44	31	71	69
28	Hậu Giang	260	260	66	66	14	0
29	Hòa Bình	538	538	38	32	0	0
30	TP. Hồ Chí Minh	1,658	1,652	177	109	34	8
31	Hưng Yên	1,112	1,112	69	60	9	0
32	Khánh Hòa	132	132	23	17	6	3
33	Kiên Giang	49	49	34	34	0	0
34	Kon Tum	294	294	40	40	4	4

		Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) phải được rà soát trong kỳ báo cáo		Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)		Kết quả xử lý VBQPPL chưa xử lý xong của các kỳ trước (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	
		Tổng	Trong đó: Đã được rà soát	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
35	Lai Châu	612	612	44	42	0	0
36	Lạng Sơn	287	287	80	80	0	0
37	Lào Cai	328	328	142	142	0	0
38	Lâm Đồng	514	512	45	34	28	28
39	Long An	222	222	34	23	4	4
40	Nam Định	57	57	26	26	0	0
41	Nghệ An	2,358	1,694	296	243	31	31
42	Ninh Bình	81	80	13	13	0	0
43	Ninh Thuận	237	237	14	0	0	0
44	Phú Thọ	1,071	1,071	0	0	0	0
45	Phú Yên	110	89	41	41	1	0
46	Quảng Bình	470	470	99	68	1	1
47	Quảng Nam	149	149	127	127	0	0
48	Quảng Ngãi	620	615	77	55	25	10
49	Quảng Ninh	274	274	110	86	3	3
50	Quảng Trị	657	657	92	19	43	35
51	Sóc Trăng	34	34	30	30	1	1
52	Sơn La	422	422	99	99	0	0
53	Tây Ninh	125	125	2	2	0	0
54	Thái Bình	436	436	38	38	0	0
55	Thái Nguyên	85	85	52	52	3	3
56	Thanh Hóa	162	162	4	4	0	0
57	Thừa Thiên Huế	1,111	1,111	158	145	13	0

		Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) phải được rà soát trong kỳ báo cáo		Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)		Kết quả xử lý VBQPPL chưa xử lý xong của các kỳ trước (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	
		Tổng	Trong đó: Đã được rà soát	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
58	Tiền Giang	666	666	156	156	0	0
59	Trà Vinh	419	419	34	34	0	0
60	Tuyên Quang	287	287	25	25	0	0
61	Vĩnh Long	28	28	14	13	17	11
62	Vĩnh Phúc	85	82	75	72	106	48
63	Yên Bái	123	123	45	45	0	0
II.1. Tại cấp tỉnh		**13,720**	**13,075**	**2,677**	**2,235**	**493**	**394**
1	An Giang	190	190	190	190	0	0
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	33	33	33	33	1	1
3	Bạc Liêu	83	83	20	10	0	0
4	Bắc Giang	357	357	131	17	2	2
5	Bắc Kạn	43	43	24	24	0	0
6	Bắc Ninh	70	50	39	39	0	0
7	Bến Tre	179	179	60	60	0	0
8	Bình Dương	534	534	0	0	0	0
9	Bình Định	202	202	50	50	0	0
10	Bình Phước	34	34	0	0	0	0
11	Bình Thuận	575	575	44	44	0	0
12	Cà Mau	340	340	87	45	38	36
13	Cao Bằng	52	52	29	29	0	0
14	Cần Thơ	339	339	47	31	0	0
15	Đà Nẵng	22	22	22	22	5	5
16	Đắk Lắk	413	413	88	0	128	127

		Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) phải được rà soát trong kỳ báo cáo		Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)		Kết quả xử lý VBQPPL chưa xử lý xong của các kỳ trước (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	
		Tổng	Trong đó: Đã được rà soát	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
17	Đắk Nông	39	39	5	5	0	0
18	Điện Biên	121	121	49	49	0	0
19	Đồng Nai	172	172	41	41	0	0
20	Đồng Tháp	67	67	5	5	0	0
21	Gia Lai	155	155	59	42	55	55
22	Hà Giang	65	65	65	65	0	0
23	Hà Nam	86	86	12	12	0	0
24	Hà Nội	44	44	0	0	0	0
25	Hà Tĩnh	115	115	46	46	0	0
26	Hải Dương	91	91	31	31	0	0
27	Hải Phòng	122	122	23	21	64	64
28	Hậu Giang	65	65	65	65	14	0
29	Hòa Bình	514	514	22	17	0	0
30	TP. Hồ Chí Minh	652	652	54	54	0	0
31	Hưng Yên	909	909	56	56	0	0
32	Khánh Hòa	131	131	22	16	6	3
33	Kiên Giang	32	32	32	32	0	0
34	Kon Tum	70	70	25	25	0	0
35	Lai Châu	537	537	38	38	0	0
36	Lạng Sơn	152	152	60	60	0	0
37	Lào Cai	113	113	113	113	0	0
38	Lâm Đồng	49	49	0	0	0	0
39	Long An	146	146	7	7	0	0

		Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) phải được rà soát trong kỳ báo cáo		Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)		Kết quả xử lý VBQPPL chưa xử lý xong của các kỳ trước (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	
		Tổng	Trong đó: Đã được rà soát	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
40	Nam Định	24	24	24	24	0	0
41	Nghệ An	777	152	23	5	0	0
42	Ninh Bình	37	37	11	11	0	0
43	Ninh Thuận	225	225	13	0	0	0
44	Phú Thọ	365	365	0	0	0	0
45	Phú Yên	39	39	39	39	0	0
46	Quảng Bình	271	271	43	12	0	0
47	Quảng Nam	93	93	93	93	0	0
48	Quảng Ngãi	348	348	35	14	25	10
49	Quảng Ninh	72	72	52	52	0	0
50	Quảng Trị	505	505	54	0	32	32
51	Sóc Trăng	27	27	27	27	0	0
52	Sơn La	262	262	39	39	0	0
53	Tây Ninh	70	70	0	0	0	0
54	Thái Bình	423	423	36	36	0	0
55	Thái Nguyên	72	72	45	45	0	0
56	Thanh Hóa	162	162	4	4	0	0
57	Thừa Thiên Huế	735	735	126	126	0	0
58	Tiền Giang	469	469	133	133	0	0
59	Trà Vinh	419	419	34	34	0	0
60	Tuyên Quang	256	256	21	21	0	0
61	Vĩnh Long	27	27	14	13	17	11
62	Vĩnh Phúc	75	75	75	71	106	48

		Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) phải được rà soát trong kỳ báo cáo		Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)		Kết quả xử lý VBQPPL chưa xử lý xong của các kỳ trước (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	
		Tổng	Trong đó: Đã được rà soát	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
63	Yên Bái	54	54	42	42	0	0
II.2. Tại cấp huyện		**11,460**	**11,309**	**1,526**	**1,276**	**171**	**105**
1	An Giang	159	159	3	3	0	0
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	5	5	4	4	0	0
3	Bạc Liêu	7	7	0	0	0	0
4	Bắc Giang	204	204	62	61	2	2
5	Bắc Kạn	79	79	12	12	0	0
6	Bắc Ninh	0	0	0	0	0	0
7	Bến Tre	109	109	7	7	0	0
8	Bình Dương	315	315	118	102	0	0
9	Bình Định	593	593	12	9	4	1
10	Bình Phước	34	34	1	2	0	0
11	Bình Thuận	191	191	16	12	0	0
12	Cà Mau	134	134	11	10	1	1
13	Cao Bằng	167	98	43	43	0	0
14	Cần Thơ	85	85	0	0	0	0
15	Đà Nẵng	1	1	1	1	0	0
16	Đắk Lắk	822	822	8	4	4	4
17	Đắk Nông	70	70	6	2	7	5
18	Điện Biên	48	48	11	11	0	0
19	Đồng Nai	135	135	18	18	0	0
20	Đồng Tháp	492	487	53	52	0	0
21	Gia Lai	123	123	14	10	3	1

		Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) phải được rà soát trong kỳ báo cáo		Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)		Kết quả xử lý VBQPPL chưa xử lý xong của các kỳ trước (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	
		Tổng	Trong đó: Đã được rà soát	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
22	Hà Giang	2	2	0	0	0	0
23	Hà Nam	187	187	4	4	0	0
24	Hà Nội	338	338	120	113	0	0
25	Hà Tĩnh	92	92	15	15	0	0
26	Hải Dương	85	85	24	23	0	0
27	Hải Phòng	87	87	21	10	7	5
28	Hậu Giang	195	195	1	1	0	0
29	Hòa Bình	24	24	16	15	0	0
30	TP. Hồ Chí Minh	1,006	1,000	123	55	34	8
31	Hưng Yên	203	203	13	4	9	0
32	Khánh Hòa	1	1	1	1	0	0
33	Kiên Giang	17	17	2	2	0	0
34	Kon Tum	224	224	15	15	4	4
35	Lai Châu	75	75	6	4	0	0
36	Lạng Sơn	135	135	20	20	0	0
37	Lào Cai	215	215	29	29	0	0
38	Lâm Đồng	465	463	45	34	28	28
39	Long An	76	76	27	16	4	4
40	Nam Định	33	33	2	2	0	0
41	Nghệ An	1,581	1,542	273	238	31	31
42	Ninh Bình	44	43	2	2	0	0
43	Ninh Thuận	12	12	1	0	0	0
44	Phú Thọ	706	706	0	0	0	0

		Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) phải được rà soát trong kỳ báo cáo		Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)		Kết quả xử lý VBQPPL chưa xử lý xong của các kỳ trước (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	
		Tổng	Trong đó: Đã được rà soát	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý	Tổng số	Trong đó: Đã xử lý
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
45	Phú Yên	71	50	2	2	1	0
46	Quảng Bình	199	199	56	56	1	1
47	Quảng Nam	56	56	34	34	0	0
48	Quảng Ngãi	272	267	42	41	0	0
49	Quảng Ninh	202	202	58	34	3	3
50	Quảng Trị	152	152	38	19	11	3
51	Sóc Trăng	7	7	3	3	1	1
52	Sơn La	160	160	60	60	0	0
53	Tây Ninh	55	55	2	2	0	0
54	Thái Bình	13	13	2	2	0	0
55	Thái Nguyên	13	13	7	7	3	3
56	Thanh Hóa	0	0	0	0	0	0
57	Thừa Thiên Huế	376	376	32	19	13	0
58	Tiền Giang	197	197	23	23	0	0
59	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0
60	Tuyên Quang	31	31	4	4	0	0
61	Vĩnh Long	1	1	0	0	0	0
62	Vĩnh Phúc	10	7	0	1	0	0
63	Yên Bái	69	69	3	3	0	0

ăn bản

Ghi chú
(7)

Ghi chú
(7)

Ghi chú
(7)

Ghi chú
(7)

Ghi chú
(7)

Ghi chú
(7)

Ghi chú
(7)

Ghi chú
(7)
0

Ghi chú
(7)

Ghi chú
(7)